



## HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,  
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498  
Fax: +84.28 6298 3490

Website: [www.vietfood.org.vn](http://www.vietfood.org.vn) Email: [info@vietfood.org.vn](mailto:info@vietfood.org.vn)

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2021

### BẢN TIN SỐ 1316

(Lưu hành nội bộ)

# BẢN TIN TRONG TUẦN

(Ngày 20/08/2021 đến ngày 26/08/2021)

## AI THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

### I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

**Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)**

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	20-08	23-08	24-08	25-08	26-08
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	397 - 401	397 - 401	398 - 402	398 - 402	398 - 402
	5% tấm	387 - 391	387 - 391	388 - 392	388 - 392	388 - 392
	25% tấm	369 - 373	369 - 373	372 - 376	372 - 376	372 - 376
	Hom Mali 92%	635 - 639	640 - 644	656 - 660	680 - 684	695 - 699
	Gạo đỏ 100% Stxd	393 - 397	393 - 397	393 - 397	393 - 397	393 - 397
	A1 Super	340 - 344	340 - 344	343 - 347	343 - 347	343 - 347
VIỆT NAM	5% tấm	393 - 397	393 - 397	398 - 402	398 - 402	403 - 407
	25% tấm	373 - 377	373 - 377	373 - 377	373 - 377	373 - 377
	Jasmine	568 - 572	568 - 572	568 - 572	568 - 572	568 - 572
	100% tấm	328 - 332	328 - 332	328 - 332	328 - 332	328 - 332
ẤN ĐỘ	5% tấm	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372	368 - 372
	25% tấm	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342	338 - 342
	Gạo đỏ 5% Stxd	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352	348 - 352
	100% tấm Stxd	273 - 277	273 - 277	273 - 277	273 - 277	273 - 277
PAKISTAN	5% tấm	358 - 362	353 - 357	353 - 357	353 - 357	353 - 357
	25% tấm	318 - 322	313 - 317	313 - 317	313 - 317	313 - 317
	100% tấm Stxd	313 - 317	310 - 314	310 - 314	310 - 314	310 - 314
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	373 - 377	373 - 377	373 - 377	373 - 377	363 - 367
MỸ	4% tấm	586 - 590	586 - 590	586 - 590	586 - 590	586 - 590
	15% tấm (Sacked)	568 - 572	568 - 572	568 - 572	568 - 572	571 - 575
	Gạo đỏ 4% tấm	600 - 604	600 - 604	600 - 604	600 - 604	603 - 607
	Calrose 4%	1.115 – 1.119	1.115 – 1.119	1.115 – 1.119	1.115 – 1.119	1.115 – 1.119

## 2. Xuất khẩu gạo hàng tuần (12/08 - 18/08/2021) của các nước lớn:

Ngày 23/08/2021

(Nguồn: TRT, ĐVT: Ngàn tấn)

Nước xuất khẩu	Lượng xuất khẩu	+/- so tuần trước	Lũy kế cùng kỳ			Cả năm 2020
			2020	2021	+/- so 2020	
THÁI LAN	123	+17,14%	3.493	2.819	-19,29%	5.669
ẤN ĐỘ	259	-0,77%	8.485	11.543	+36,04%	14.601
VIỆT NAM	82	-7,87%	4.470	3.879	-13,22%	6.575
PAKISTAN	72	+60,00%	2.496	2.009	-19,51%	4.133
MỸ	92	+131,41%	1.745	1.889	+8,30%	2.840
<b>Tổng cộng</b>	<b>628</b>	<b>+16,36%</b>	<b>20.688</b>	<b>22.139</b>	<b>+7,01%</b>	<b>32.970</b>

## II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

### Ai Cập:

**\*Bắt đầu trồng Basmati nhằm hạn chế nhập khẩu:**

Ngày 22/08/2021

(Nguồn: Egypttoday.com)

Vào tháng 9/2020, một chuyên viên của Viện Nghiên cứu Cây trồng tại Bộ Nông nghiệp Ai Cập cho biết, hàng năm quốc gia này nhập khẩu gạo Basmati từ các nước Châu Á với trị giá khoảng 100 triệu USD. Nhằm hạn chế nhập khẩu, ngày 22/08/2021, giám đốc Viện nghiên cứu cây trồng cho biết, nước này sẽ bắt đầu trồng lúa basmati và đưa vào thị trường trong năm tới.

Ngoài ra, các nhà khoa học của nước này đã cố gắng tạo ra các giống lúa sử dụng ít nước hơn mà vẫn duy trì được năng suất. Do các giống lúa cũ trước đây cần 7.000 - 8.000 mét khối nước cho mỗi feddan, trong khi các giống lúa mới tiêu thụ 5.000 mét khối.

### Nigeria:

**\*Chính phủ không phản đối nhập khẩu gạo:**

Ngày 24/08/2021

(Nguồn: AllAfrica.com)

Theo Daily Trust, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) Nigeria cho biết Chính phủ liên bang không phản đối việc

nhập khẩu gạo, nhưng việc thiết lập các lệnh cấm nhập khẩu gạo tại các cửa khẩu và biên giới nước này nhằm mục đích bảo vệ quốc gia và tránh đất nước trở thành bãi thải gạo.

Ông cho biết khi áp dụng các biện pháp nói trên họ đã vấp phải sự phản đối của người dân vì cho rằng các biện pháp này sẽ đẩy họ vào nạn đói. Tuy nhiên, người đứng đầu của Bộ Nông nghiệp & PTNT cho biết các quốc gia Togo, Niger và Benin không sản xuất lúa gạo mà nhập khẩu gạo từ Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan. Mặt khác, các lệnh cấm đã mang lại lợi ích cho đất nước vì góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp địa phương và giao quyền cho nông dân địa phương. Trong khi dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, đất nước cần đầu tư nhiều hơn vào nông nghiệp, nếu nghiêm túc, quốc gia không chỉ sản xuất đủ lương thực phục vụ cho người dân mà còn tạo ra việc làm cho đông đảo thanh niên. Hơn nữa, tại Kano, có không dưới 40 nhà máy xay xát lúa gạo với công suất từ 100 – 400 tấn mỗi ngày.

Ngoài ra, chính phủ liên bang đã và đang tiếp tục thực hiện các chiến lược mới để hỗ trợ sự phát triển của ngành nông nghiệp và tăng cường chuỗi giá trị thông qua Kế hoạch Đổi mới và Chuyển đổi Nông nghiệp Quốc gia (NATIP).

#### **Đài Loan:**

***\*Áp dụng tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu mới:***

Ngày 24/08/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo báo cáo của cơ quan USDA, vào ngày 07/04/2021, chính phủ Đài Loan đã công bố bảng sửa đổi về Tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm và đã được chính phủ cho phép áp dụng từ ngày 18/08/2021. Báo cáo cho biết một số chỉ tiêu trong Tiêu chuẩn về Giới hạn Dư lượng Tối đa (MRLs) mới đã được chỉnh sửa hoặc bị vô hiệu hóa đối với thực phẩm, các sản phẩm nông nghiệp khác, bao gồm cả gạo.

#### **Bangladesh:**

***\*Tình hình nhập khẩu gạo:***

Ngày 24-25/08/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo Daily Sun, tính đến ngày 23/8/2021, chính phủ Bangladesh đã cấp phép cho 318 thương nhân khu vực tư nhân nhập khẩu 1,535 triệu tấn gạo để

bình ổn giá. Đồng thời, chính phủ cũng đã phê duyệt bốn thông tư khác nhau từ ngày 17/8 - 23/8/2021.

Cụ thể, ngày 17/8, Bộ Lương thực đã chấp thuận cho 42 công ty nhập khẩu 345.000 tấn gạo đồ và 65.000 tấn gạo atap. Ngày 18/8, Bộ này tiếp tục chấp thuận cho 71 thương nhân tư nhân nhập khẩu 362.000 tấn gạo đồ và 56.000 tấn gạo atap. Ngày 21/8, Bộ đã chấp thuận cho 92 thương nhân nhập khẩu 348.000 tấn gạo đồ và 43.000 tấn gạo atap. Vào ngày 22/8, Bộ đã chấp thuận cho 73 doanh nghiệp nhập khẩu 206.000 tấn gạo đồ và 16.000 tấn gạo atap. Vào ngày 23/8, Bộ Lương thực đã phê duyệt 910.000 tấn gạo đồ và 6.000 tấn gạo atap.

Trước đó, ngày 12/8, Ủy ban Doanh thu Quốc gia (NBR) đã đưa ra thông báo về việc cắt giảm thuế nhập khẩu gạo từ mức 62,5% xuống còn 25% để tạo điều kiện thuận lợi cho nhập khẩu tư nhân như một phần trong nỗ lực tăng nguồn cung và ổn định giá cả.

Mặt khác, theo tờ Dhaka Tribune, Bộ Lương thực đã công bố các điều kiện nhập khẩu gạo. Theo các điều kiện, các nhà nhập khẩu nên mở LC trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao dịch. Nếu thương nhân không mở LC trong ngày đã định, việc phân bổ sẽ bị hủy bỏ. Các thương nhân cũng cần triển khai các hoạt động gạo nhập khẩu trước ngày 25/9/2021.

### **CHLB Nga:**

#### **\*Tình hình sản xuất gạo:**

Ngày 25/08/2021

(Nguồn: *Oryza.com*)

Theo nguồn tin địa phương, sản lượng gạo của Nga trong niên vụ 2021/22 được dự báo là 550.000 tấn, giảm khoảng 21% so với ước tính 700.000 tấn của niên vụ trước. Sự sụt giảm này được cho là do diện tích canh tác ở khu vực sản xuất lúa gạo chính Krasnodar giảm mạnh.

Diện tích thu hoạch lúa được dự báo là 150.000 tấn, giảm khoảng 21% so với ước tính 190.000 tấn trong niên vụ trước do trữ lượng nước không đủ. Sản lượng giảm trong sản xuất sẽ được bù đắp bởi sự gia tăng nhập khẩu trong niên vụ 2021/22. Sản lượng nhập khẩu được dự báo sẽ tăng khoảng 50% lên 300.000 tấn. Từ tháng 1-4/2021, Nga đã nhập khẩu 20.000 tấn gạo từ Ấn Độ, 3.600 tấn từ Kazakhstan và 3.500 tấn từ Thái Lan.

Mặt khác, xuất khẩu gạo được dự báo sẽ giảm khoảng 100.000 tấn so với cùng kỳ năm trước do sản lượng giảm mạnh. Trong 4 tháng đầu năm 2021, Nga đã xuất khẩu 26.200 tấn gạo sang Thổ Nhĩ Kỳ, 3.600 tấn sang Bỉ và 1.000 tấn sang Jordan.

### Trung Quốc:

#### **\*Sản lượng gạo vụ Sớm:**

Ngày 25/08/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Bloomberg trích dẫn số liệu của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS), sản lượng gạo vụ sớm năm 2021 của quốc gia này được dự báo tăng khoảng 2,7% lên 28,02 triệu tấn. Diện tích lúa vụ sớm năm 2021 giảm khoảng 0,4% do điều kiện thời tiết khô hạn.

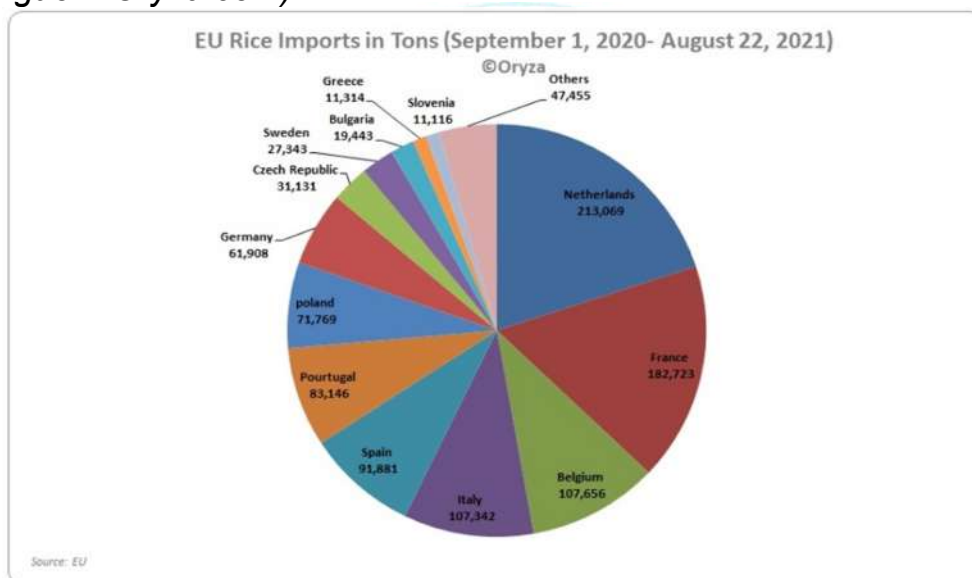
Lúa vụ sớm được trồng ở miền Nam Trung Quốc trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7.

### EU - UK:

#### **\*Tình hình xuất nhập khẩu gạo:**

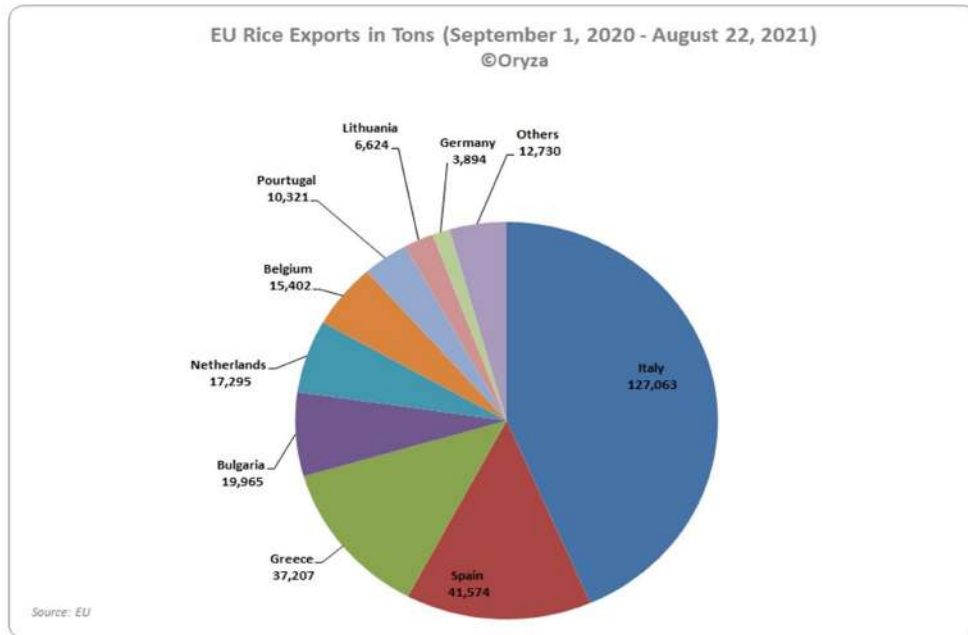
Ngày 25/08/2021

(Nguồn: Oryza.com)



Theo số liệu xuất nhập khẩu mới nhất của Liên minh Châu Âu (EU), tính từ ngày 01/09/2020 đến ngày 22/08/2021 của niên vụ 2020/21 (01/09/2020 – 31/08/2021), EU và Anh đã nhập khẩu tổng cộng 1,151 triệu tấn gạo xay xát (trong đó, nhập khẩu gạo Japonica tổng cộng là 194.554 tấn và nhập khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 956.762 tấn), giảm khoảng 29% so với 1,622 triệu tấn của cùng kỳ niên vụ 2019/2020.

Về xuất khẩu, EU và Anh đã xuất khẩu tổng cộng 292.437 tấn gạo xay xát, tăng khoảng 12% so với 261.627 tấn của cùng kỳ của niên vụ trước. Trong đó, xuất khẩu gạo Japonica đạt 212.826 tấn và xuất khẩu gạo Indica đạt tổng cộng 79.611 tấn.



\* Lưu ý: Dữ liệu sau ngày 01/01/2021, không bao gồm Vương quốc Anh vì Brexit. Trước Brexit, trong niên vụ hiện tại, từ ngày 01/09/2020 - ngày 31/12/2020, Anh đã nhập khẩu 84.020 tấn và xuất khẩu 362 tấn.

**Hàn Quốc:**

**\*Thông báo đấu thầu:**

Ngày 26/08/2021

(Nguồn: Oryza.com)

Theo thông báo trên trang web của Tổng công ty Thương mại Nông sản & Thực phẩm Hàn Quốc (KAFTC), nước này tổ chức đấu thầu để mua 42.222 tấn gạo Lứt. Các đơn vị trúng thầu sẽ giao hàng đến các cảng được chỉ định trong khoảng thời gian từ 28/02 đến 30/04/2022. Buổi đấu thầu sẽ được tổ chức vào ngày 09/09/2021 trong khoảng thời gian từ 10:00 sáng đến 11:00 sáng (giờ KST). Hạn chót nộp hồ sơ dự thầu là 3:00 chiều (KST) ngày 08/09/2021. Thông tin chi tiết về các yêu cầu mua như sau:

**1. Major Matters of the Invitation for Bids**

Invitation No.	Commodity	Country of Origin	Standard	Quantity (M/T)	Due date of Arrival	Destination Port
AT2259-BRI-21(149)	Non-Glutinous Brown Rice Medium Grain	U.S.A	U.S.No.3	20,000	'22.04.30.	INCHEON
AT2260-BRI-21(150)	Non-Glutinous Brown Rice Long Grain	No Restriction	U.S.No.3	11,111	'22.02.28.	GUNSAN
AT2261-BRI-21(151)	Non-Glutinous Brown Rice Long Grain	No Restriction	U.S.No.3	11,111	'22.03.31.	ULSAN

<https://www.at.or.kr/article/apko363300/view.action?articleId=39650>

### **III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:**

#### **Thái Lan:**

Giá chào gạo trắng tuần qua tăng lại – sau khi xuống mức thấp nhất trong vòng hai năm qua – nhờ nhu cầu nhập khẩu từ Bernas, Malaysia hỗ trợ. Dự kiến nhu cầu thương mại của Bernas sẽ kéo dài đến tháng 10/2021. Các thương nhân xuất khẩu gạo Thái Lan hiện đang chào bán với thời gian giao hàng từ 15/9 trở về sau – cũng là thời điểm thu hoạch vụ mới. Tình trạng vận chuyển hàng hóa bằng container khó khăn cũng góp phần gây áp lực lên những thỏa thuận mới này.

Phân khúc gạo Hom Mali kết thúc tuần tăng nhẹ do các thương nhân có khuynh hướng duy trì tồn kho khi phải đến cuối tháng 11/2021 nguồn cung này mới bước vào thu hoạch vụ lúa Hom Mali.

#### **Ấn Độ:**

Tương tự tuần trước đó khi tiếp tục bị chi phối bởi tình trạng khan hiếm container rỗng, tàu rời và giá cước tăng cao. Giá chào gạo trắng vụ mới kết thúc tuần tăng nhẹ do nguồn cung hạn chế trong khi giá vụ cũ ổn định. Riêng thị trường gạo đồ dù đang đón nhận nhu cầu từ Bangladesh nhưng giá chào vẫn kết thúc tuần thấp hơn do giá cước vận chuyển tăng cao và vụ rabi đã thu hoạch xong.

#### **Pakistan:**

Thị trường kết thúc tuần yên ắng với kỳ nghỉ lễ Ashura (lễ truyền thống của người Hồi giáo) diễn ra trong hai ngày 18-19/8/2021. Giá chào gạo trắng các loại giảm nhẹ. Các thương nhân xuất khẩu gạo hiện vẫn chịu nhiều áp lực do chất lượng gạo tồn kho xuống cấp và nguồn cung này chỉ có thể sôi động trở lại khi bước vào thời điểm thu hoạch vụ mới. Riêng phân khúc gạo tấm trắng vẫn ổn định nhờ nhu cầu trong nước hỗ trợ. Hoạt động biên mậu giữa Pakistan và Afghanistan đang tạm dừng do diễn biến chính trị phức tạp tại Afghanistan trong những ngày qua.

Phân khúc gạo basmati ổn định dù thiếu vắng nhu cầu, tuy nhiên lại nhận được sự hỗ trợ từ thị trường nội địa cũng như lượng gạo tồn kho hiện không còn nhiều.

#### **Miền Điện:**

Thị trường tuần qua tiếp tục yên ắng khi chính phủ áp dụng hàng loạt biện pháp tăng cường nhằm phòng chống và kiểm soát dịch bệnh Covid-19. Bên cạnh đó, từ ngày 16-20/8, ngân hàng trung ương và khối ngân hàng thương mại đều đóng cửa nghỉ lễ. Nhu cầu ẩm đạm cũng là một trong những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến nguồn cung này, giá chào gạo các loại

đều giảm dù tồn kho gạo hàng hóa hiện khá hạn chế do đang trong thời gian giáp hạt. Tình trạng khan hiếm container rỗng và thời tiết mưa nhiều khiến tiến độ giao hàng của các thương nhân bị trì hoãn. Miền Điện sẽ bước vào thu hoạch vụ chính trong khoảng giữa hoặc cuối tháng 10/2021 và sản lượng dự kiến thấp hơn so với năm 2020.

#### **IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:**

<b>Ngoại tệ</b>	<b>Ngày 20/08</b>	<b>Ngày 23/08</b>	<b>Ngày 24/08</b>	<b>Ngày 25/08</b>	<b>Ngày 26/08</b>
Yuan Trung Quốc (CNY)	6,50	6,48	6,47	6,48	6,48
Euro (USD/Euro)	1,17	1,17	1,17	1,18	1,18
Rupiah Indonesia (IDR)	14.448,73	14.404,72	14.399,35	14.407,54	14.429,25
Rupee Ấn Độ (INR)	74,34	74,12	74,15	74,19	74,14
Yen Nhật Bản (JPY)	109,77	109,78	109,70	110,03	110,09
Philippines Peso (PHP)	50,29	50,15	50,00	49,76	50,00
Pakistan Rupees (PKR)	164,52	164,60	165,29	165,86	166,67
Baht Thái Lan (THB)	33,37	33,26	32,90	32,82	32,77
Vietnamese Dong (VND)	22.854,05	22.825,97	22.824,28	22.792,89	22.790,19

(Nguồn: [www.xe.com](http://www.xe.com))

#### **B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:**

##### **I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:**

###### **1. Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 26/08/2021, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL vụ Hè Thu 2021 xuống giống được 1,5 triệu ha, đã thu hoạch được 980 ngàn ha với năng suất 5,86 tấn/ha; vụ Thu Đông 2021 xuống giống được 450 ngàn ha/700 ngàn ha diện tích kế hoạch.

###### **2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 13.08 đến 19.08.2021:**

(Nguồn Cục BVTV, Theo [www.ppd.gov.vn](http://www.ppd.gov.vn))

###### **2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:**

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 9.388 ha (giảm 4.2084 ha so với kỳ trước, giảm 10.004 ha so với CKNT), phòng trừ 4.636 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Sóc Trăng, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, Điện Biên, Lai Châu, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,



Quảng Ngãi, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bình Định Đà Nẵng, Phú Yên, Bình Thuận, Gia Lai.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 30.198 ha (giảm 12.792 ha so với kỳ trước, tăng 97 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 42.225 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh như Quảng Ninh, Hà Nam, Phú Thọ, Kiên Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Long An, Tiền Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Gia Lai,...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.207 ha (giảm 902 ha so với kỳ trước, tương đương ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 706 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Yên Bái, Bắc Giang, Sơn La, Bình Thuận, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Bà Rịa Vũng Tàu, Sóc Trăng, Tây Ninh, Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Hậu Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.

- **Bệnh đạo ôn:**

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 8.653 ha (giảm 983 ha so với kỳ trước, giảm 7.056 ha so với CKNT), phòng trừ 4.110 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Đồng Tháp, Kiên Giang, Đồng Nai, Vĩnh Long, Cần Thơ, Hậu Giang, Bình Thuận, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Lắk, Điện Biên, Lai Châu, Cao Bằng, Sơn La, Lào Cai,...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 11.970 ha (giảm 8.262 ha so với kỳ trước, giảm 43 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 5.947 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang, Bình Thuận, Gia Lai, Lào Cai, Lai Châu,...

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 26.447 ha (giảm 7.220 ha so với kỳ trước, tăng 296 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 17.507 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh như Sóc Trăng, Kiên Giang, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Long An, Hậu Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế,...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 14.854 ha (giảm 9.256 ha so với kỳ trước, tăng 4.378 ha so với CKNT), diện tích phòng trừ trong kỳ 7.871 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh như Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Cần Thơ, Điện Biên, Lai Châu, Cao Bằng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị,...

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 1.324 ha (tăng 327 ha so với kỳ trước, tăng 296 ha so với CKNT) diện tích phòng trừ trong kỳ 301 ha. Phân bố tại các tỉnh Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Nai, Bình Phước, Long An, Lâm Đồng, Gia Lai,...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 14.854 ha (giảm 9.256 ha so với kỳ trước, tăng 4.378 ha so với CKNT), diện tích nặng 210 ha, diện tích phòng trừ trong kỳ 7.871 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh Khu 4, Điện Biên, Phú Thọ, Bắc Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Cần Thơ, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng, Phú Yên, Đắk Lắk,

Bình Thuận,...

**Bảng 1: Tổng hợp kết quả giám định virus lùn sọc đen hại lúa Hè Thu, Mùa 2021 tại một số tỉnh thuộc khu vực Bắc Bộ, từ ngày 13-19/8/2021**

Stt	Tỉnh	Tổng số mẫu test	Mẫu lúa	Mẫu rầy	Dương tính				Ngày test
					Mẫu lúa	%	Mẫu rầy	%	
1	Nam Định	108	0	0	0	0	0	0	Trong kỳ
<b>Tổng</b>		<b>108</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	-

*Ghi chú: 1/Đơn vị giám định: Trung tâm Bảo vệ thực vật vùng phía Bắc - Cục Bảo vệ thực vật; 2/(Rầy<sup>\*</sup>): Rầy lưng trắng.*

**2.2. Dự báo sâu bệnh:**

**\* Trên cây lúa**

**a) Các tỉnh Bắc Bộ**

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: Trưởng thành lúa 6 tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng, sâu non phát sinh, phát triển và gây hại tăng trên trà lúa chính vụ - muộn, nhất là các vùng ven biển, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, hại nặng diện hẹp;

- *Rầy nâu, rầy lưng trắng*: Rầy lúa 6 bắt đầu nở, phát sinh gây hại tăng trên các trà lúa, nhất là trên các giống nhiễm, mức độ hại phổ biến nhẹ - trung bình;

- *Sâu đục thân 2 chấm*: Sâu non tiếp tục phát sinh gây hại tăng so với kỳ trước, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình. Trưởng thành tiếp tục vũ hóa và đẻ trứng;

Ngoài ra, *Bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn, bệnh khô vằn,....* tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên các giống nhiễm; *Chuột* tiếp tục phát sinh gây hại tăng trên lúa giai đoạn làm đồng – trở bông, hại nặng cục bộ những ruộng cạn nước, ven gò bãi, ven làng, gần khu công nghiệp; *bệnh đạo ôn* tiếp tục phát sinh gây hại cục bộ chủ yếu ở các tỉnh trung du và miền núi.

**b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ:**

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: phát sinh, phát triển và gây hại tăng trên lúa Mùa muộn giai đoạn đẻ nhánh rộ - làm đồng, nhất là các tỉnh ở phía Bắc vùng (Thanh Hóa, Nghệ An,..), mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình;

- *Chuột*: tiếp tục phát sinh và gây hại tăng trên lúa giai đoạn đứng cái – đồng trở tại các tỉnh trong vùng; phân bố tập trung tại các địa phương có tập quán gieo thẳng thuộc các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị,... Hại nặng các chân ruộng gần gò, bãi, khu dân cư, những vùng chưa thực hiện tốt công tác diệt chuột đầu vụ;

Ngoài ra, *Bệnh khô vằn, lem lép hạt, bạc lá, rầy nâu, rầy lưng trắng* tiếp tục phát sinh và gây hại xu hướng tăng trên lúa giai đoạn đồng trở - chín, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình.

**c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:**

- *Bệnh đạo ôn lá* tiếp tục phát sinh gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên lúa giai đoạn đứng cái – đòng trổ, phân bố chủ yếu ở Ninh Thuận, Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên. *Bệnh đạo ôn là và cổ bông* gây hại cục bộ trên lúa giai đoạn trổ - chín;

- *Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh lem lép thối hạt...* phát sinh và gây hại tăng trên lúa giai đoạn đòng trổ - chín, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình. *Bọ trĩ, sâu cuốn lá, ruồi đục nõn,...* tiếp tục gây hại trên lúa vụ 3, lúa Mùa giai đoạn mạ - đẻ nhánh;

- *Chuột* hại cục bộ trên lúa Hè Thu giai đoạn đòng trổ-chín, lúa vụ 3, lúa Mùa giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

- *Ốc bươu vàng*: hại rải rác ở lúa vụ 3, vụ Mùa ở giai đoạn mạ - đẻ nhánh.

**d) Các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long**

- *Rầy nâu*: Trên đồng ruộng, rầy tuổi 3-5 tiếp tục phát triển và gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ có diện tích nhiễm nặng trên lúa giai đoạn làm đòng – trổ;

- *Sâu cuốn lá*: gây hại phổ biến ở mức nhẹ – trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng, những ruộng sạ dày, bón thừa phân đạm và phun thuốc trừ sâu sớm có thể bị hại nặng;

- *Bệnh đạo ôn (lá, cổ bông)*: Do điều kiện thời tiết thuận lợi có mưa nhiều, ẩm độ cao nên sẽ tiếp tục gây hại tăng và lây lan trên trà lúa giai đoạn từ đẻ nhánh – đòng trổ, nhất là những ruộng gieo trồng giống nhiễm, gieo sạ dày, bón thừa phân đạm;

- *Bệnh bạc lá vi khuẩn, bệnh lem lép hạt*: sẽ tiếp tục phát triển gây hại do ảnh hưởng thời tiết có mưa nhiều, đông, nắng gián đoạn và sử dụng phân bón không hợp lý.

Cần chú ý: *Chuột* hại trên lúa giai đoạn đòng – trổ chín.

**II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU GẠO:**

Theo số liệu tổng hợp, kết quả xuất khẩu từ ngày 01-15/08/2021 đạt 192.706 tấn, trị giá 95,150 triệu USD so với cùng kỳ giảm 23,02% về số lượng và giảm 24,82% về trị giá. Lũy kế xuất khẩu gạo Việt Nam từ đầu năm đến ngày 15/08/2021 số lượng đạt 3,686 triệu tấn, trị giá 1,983 tỷ USD so với cùng kỳ về số lượng giảm 13,31% và về trị giá giảm 4,43%.

**III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:**

Từ ngày 01/08 - 26/08/2021, có 20 tàu vào các cảng xếp hàng với số lượng dự kiến 113.700 tấn gạo các loại trong đó, 13 tàu cảng Hồ Chí Minh và 07 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Josesfa	HCM	02/07/2021	30.000	Cuba
2	Trogir	HCM	09/07/2021	40.300	Châu Phi
3	Hoàng Phượng Vigor	HCM	11/07/2021	5.100	Philippines
4	Việt Hải Star	HCM	25/07/2021	4.000	Philippines
5	Quang Minh 6	HCM	03/08/2021	4.000	Philippines
6	Đông Dương 09	HCM	05/08/2021	5.000	Philippines
7	Globe 6	Mỹ Thới	06/08/2021	4.000	Philippines
8	Mỹ Hưng	Mỹ Thới	06/08/2021	5.000	Philippines
9	Hoà Bình 27	Mỹ Thới	07/08/2021	2.600	Philippines
10	Hòa Bình 45	HCM	09/08/2021	4.000	Philippines
11	Hồng Lĩnh 1	HCM	09/08/2021	12.500	Philippines
12	Hòa Bình 54	HCM	10/08/2021	5.000	Philippines
13	Hải Hà 58	HCM	13/08/2021	3.800	Philippines
14	Hải Phương 619	Mỹ Thới	13/08/2021	3.950	Philippines
15	J-phía	Mỹ Thới	13/08/2021	1.300	Philippines
16	Nasico Eagle	Mỹ Thới	13/08/2021	6.000	Philippines
17	Hải Hà 388	HCM	17/08/2021	3.800	Philippines
18	Sunrise 69	HCM	17/08/2021	6.500	Philippines
19	Vĩnh Phúc 168	Mỹ Thới	20/08/2021	2.950	Philippines
20	Trường Lộc 16	HCM	21/08/2021	4.900	Philippines
21	Quang Minh 9	HCM	22/08/2021	4.000	Philippines
22	TLC 01	HCM	24/08/2021	4.900	Philippines
23	Manta Cicek	HCM	25/08/2021	23.000	Syria
24	Hoà Bình 09	HCM	26/08/2021	6.500	Philippines
<b>Tổng</b>				<b>193.100</b>	

#### IV. GIÁ LÚA GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	26/08	+/-	26/08	+/-	26/08	+/-	26/08	+/-	26/08	+/-	26/08	+/-	26/08	+/-		
<b>Lúa Tươi Tại Ruộng</b>																
Hạt dài	5.350	+200	5.100	-	5.150	-			5.050	-50			5.500	-200	5.500	5.230
Lúa thường	4.650	+400	4.700	-					4.600	-100	4.750	-	4.500	-	4.750	4.640
<b>Lúa Khô/Uớt Tại Kho</b>																
Hạt dài	7.450	-300	6.500	-	6.400	-			5.300	-50			6.500	-200	7.450	6.430
Lúa thường	7.250	-	6.100	-					4.850	-200			5.500	-	7.250	5.925
<b>Gao Nguyên Liệu</b>																
Lứt loại 1	8.350	+100	8.200	-	8.050	+300			8.000	+150			8.600	-100	8.600	8.240
Lứt loại 2	7.850	+200	7.400	-	7.600	+250			7.550	+700	7.250	-	7.550	+250	7.850	7.533
Xát trắng loại 1			9.250	+50			9.150	+300	8.950	+200			10.300	-100	10.300	9.413
Xát trắng loại 2			8.150	+50			8.450	+400	8.500	+450	8.500	-	8.500	+300	8.500	8.420
<b>Phu Phẩm</b>																
Tấm 1/2	7.050	-	7.100	-	6.650	+100	6.650	+100	6.650	+100	6.750	-	7.000	-	7.100	6.836
Tấm 2/3			6.900	-	6.750	-			6.350	-200			6.300	-	6.900	6.575
Tấm 3/4	5.950	-100	6.700	-	6.300	+50	6.250	-							6.700	6.300
Cám xát	6.050	+200	6.300	-100	5.900	+50	5.950	+50	5.900	-350	6.050	-	6.500	+200	6.500	6.093
Cám lau	6.050	+200	6.300	-100	5.900	+50	5.950	+50	5.900	-350	6.050	-	6.500	+200	6.500	6.093
<b>Gao TPXK Không Bao Tại Man</b>																
5%	8.950	+100	8.450	-100	9.000	+450	8.950	+450	8.400	-	8.900	-	8.600	+200	9.000	8.750
10%			8.350	-100					8.300	-					8.350	8.325
15%	8.750	+100	8.250	-100	8.700	+450			8.260	-	8.700	-	8.400	+200	8.750	8.510
20%			8.150	-100					8.200	-					8.200	8.175
25%	8.550	+100	8.050	-100	8.400	+450			8.100	-	8.500	-	8.100	+150	8.550	8.283

\*\*\*